

BÁO CÁO

Tình hình cung cấp nước sạch sinh hoạt trên địa xã Rạch Chèo
(Theo Thông báo số 16/TB-ĐGS ngày 31 tháng 7 năm 2019
của Đoàn giám sát - HĐND tỉnh)

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Các chủ trương, quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và của tỉnh có liên quan về cung cấp nước sạch.

Luật Tài nguyên nước số 17/2012 ngày 21/6/2012;

Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Nghị định số 201/2013/NĐ – CP ngày 27/11/2013 của chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của chính phủ, quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Nghị định số 54/2015/NĐ-CP, ngày 08/6/2015 của Chính phủ, quy định về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường, quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất

Thông tư số 40/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường, quy định về việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường, ban hành quy định về lý, trám lấp giếng không sử dụng;

2. Tình hình, kết quả đầu tư, cung cấp nước sạch cho các hộ dân trên địa bàn xã.

Hiện tại trên địa bàn xã có 02 trạm cấp nước sinh hoạt cho người dân điều đặc tại ấp Rạch Chèo xã Rạch Chèo cụ thể như sau:

* Trạm cấp nước thứ nhất được đầu tư xây dựng năm 2001 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2001, do Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường Nông thôn tỉnh Cà Mau đầu tư, với công suất thiết kế là 288m³/ngày

đêm, thiết kế số người sử dụng là 1120 người, sao đó giao lại cho cá nhân quản lý và vận hành. Hiện tại trạm cấp nước hoạt động kém hiệu quả, nguồn nước không đáp ứng nhu cầu sử dụng cho người dân.

* Trạm cấp nước thứ hai được đầu tư xây dựng năm 2016 và hoàn thành đưa vào hoạt động năm 2017, do Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường Nông thôn tỉnh Cà mau đầu tư, với công suất thiết kế là 720m³/ngày đêm, thiết kế số người sử dụng là 1600 người, do Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường Nông thôn tỉnh Cà Mau quản lý và vận hành. Hiện tại trạm cấp nước đang trong quá trình hoạt động, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân.

3. Tình hình sử dụng nước sạch sinh hoạt giai đoạn 2010 - 2019

Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 2015 số hộ sử dụng nước sạch 1368 hộ/2281 hộ chiếm tỷ lệ 60% (trong đó trạm cấp nước cung cấp 189 hộ/2281 hộ chiếm tỷ lệ 8,3%).

Giai đoạn từ năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 số hộ sử dụng nước sạch 1594 hộ/2285 hộ chiếm tỷ lệ 69,8% (trong đó trạm cấp nước cung cấp 461 hộ/2285 hộ chiếm tỷ lệ 20,2%).

4. Những khu vực không khoan được nước ngầm mà chưa được cung cấp nước sinh hoạt

Hiện tại trên địa bàn xã không có khu vực không khoan được nước ngầm, người dân trên địa bàn xã điều có khoan giếng để sử dụng.

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, THỰC HIỆN QUY HOẠCH, TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

1. Kết quả thực hiện quy hoạch hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn của xã đến năm 2020 được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 8/12/2008 của UBND huyện Phú Tân về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng trung tâm xã Rạch Chèo, tỷ lệ 1/2000 và 1/500 và định hướng đến năm 2020.

Do Quy hoạch tổng thể trung tâm xã không còn phù hợp đã được Ủy ban nhân dân huyện cho chủ trương điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới và điều chỉnh quy hoạch chi tiết trung tâm xã.

2. Việc triển khai chính sách khuyến khích đầu tư

Từ trước đến nay chưa có cơ chế, chính sách riêng để thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp cho các dự án nước sạch nông thôn trên địa bàn xã.

Mặc dù, lĩnh vực nước sạch nông thôn nằm trong danh mục xã hội hóa của nhà nước, nhưng do dân cư nông thôn sống phân tán, thưa thớt, chi phí

đầu tư cho nhà máy cấp nước là rất lớn, để thu hồi được nguồn vốn và có lãi, duy trì công trình hoạt động bền vững phải mất rất nhiều năm, dẫn tới các doanh nghiệp không “tha thiết” với các khu vực nông thôn, khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội.

III. KẾT QUẢ ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

1. Kết quả đầu tư công trình từ ngân sách nhà nước và công trình được xác lập quyền sở hữu nhà nước.

- Tổng số công trình cấp nước tập trung: 02 công trình được sử dụng từ ngân sách Nhà nước đó là:

+ Công trình hoạt động bền vững, hiệu quả: 01 công trình

+ Công trình hoạt động kém hiệu quả: 01 công trình

- Công tác duy tu, sửa chữa công trình cấp nước nông thôn hàng năm không được thực hiện, do không được bố trí nguồn kinh phí, nên hiện nay xã có 01 công trình đã và đang xuống cấp.

- Công trình được đầu tư xây dựng từ năm 2016 nước giếng khoan sau khi khai thác, được vận hành qua hệ thống xử lý lắng, lọc, chuyển đến bể chứa nước sạch 200-300m³ và được sử dụng đài nước hoặc hệ thống bơm biến tần bơm dẫn ra đường ống mạng phân phối (có sử dụng hệ thống clor được châm định lượng) cung cấp đến các hộ dân 24/24 giờ;

- Công trình được đầu tư xây dựng từ năm 2001 nước giếng khoan khi khai thác, được chuyển trực tiếp lên đài nước cao 5-10m có bồn chứa, sau đó xả ra đường ống mạng phân phối cung cấp đến các hộ dân.

- Chất lượng nước có sự khác biệt tương đối lớn giữa các tổ chức, các nhân quản lý, vận hành và thời điểm xây dựng công trình (trước năm 2001 và năm 2016).

+ Các trạm cấp nước nông thôn xây dựng từ năm 2016 do Trung tâm Nước đang tạm quản lý, vận hành, được xử lý nước đảm bảo các chỉ tiêu lý hóa, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt, hầu hết đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân.

+ Phần lớn các trạm cung cấp nước nông thôn xây dựng từ năm không được xử lý nước, chỉ lấy nguồn nước ngầm tại chỗ để cung cấp trực tiếp đến các hộ dân (chưa xử lý vi sinh, kim loại nặng và các tạp chất khác) nên có nhiều công trình chất lượng nước chưa đảm bảo.

+ Việc lập hồ sơ công trình đã được thực hiện, nhưng chưa thực hiện việc xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với công trình thuộc trường hợp phải xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định.

- Việc áp giá nước đối với người sử dụng theo Quyết số 17/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều

chính giá nước sạch trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, phần lớn các cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp xã giao quản lý vận hành không thu theo giá tại Quyết định nêu trên (khoảng 4.500 đồng/m³).

- Công tác tuyên truyền về bảo đảm cấp nước an toàn và nâng cao nhận thức, trách nhiệm người dân đối với sử dụng tài nguyên nước. Ủy ban nhân dân xã thường xuyên phối hợp với các ngành đoàn thể, Ban nhân dân các ấp thông tin - Giáo dục - truyền thông, nhằm nâng cao nhận thức và hướng dẫn người dân về sử dụng, quản lý khai thác, bảo vệ công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn và bảo vệ nguồn nước ngầm, nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

2. Kết quả thực hiện khuyến khích đầu tư

Từ trước đến nay chưa có sự tham gia đầu tư của các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, tổ hợp tác, tư nhân thực hiện các hoạt động đầu tư, chuyển giao công nghệ, quản lý khai thác, sản xuất kinh doanh, dịch vụ về nước sạch nông thôn, nên chưa đánh giá được hiệu quả đầu tư của các đơn vị này.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

Công trình cấp nước nông thôn tập trung là hạ tầng quan trọng, cung cấp nước sinh hoạt, góp phần cải thiện đời sống, nâng cao sức khỏe người dân, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn.

Là một trong những xã chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu nên đã nhận được sự quan tâm hỗ trợ từ Ủy ban nhân dân Tỉnh Cà Mau, sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh và đồng thời cũng đã tập trung nhiều nguồn lực để phát triển hệ thống cấp nước sạch nông thôn, nhất là tại trung tâm xã có điều kiện kinh tế - xã hội. Công trình dự án cấp nước được đầu tư đã mang lại hiệu quả rất đáng kể, đáp ứng cơ bản nhu cầu dùng nước của người dân nông thôn, góp phần giải quyết tình trạng thiếu nước sinh hoạt, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận nguồn nước đạt chất lượng tốt, cải thiện chất lượng cuộc sống.

2. Khó khăn, hạn chế trong lĩnh vực cấp nước nông thôn:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc cung cấp nước sạch nông thôn còn những hạn chế, khó khăn như sau:

- Mặc dù đến thời điểm hiện nay tỷ lệ được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh trong toàn xã là 69,8%, nhưng trên thực tế tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước từ những công trình cấp nước tập trung vẫn còn rất thấp (20,61%), tỷ lệ sử dụng nước từ giếng khoan nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình (79,39%). Từ đó, gây khó khăn trong việc xử lý nước sạch đạt QCVN 02:2009/BYT, tầng nước dễ bị xâm nhập mặn và ô nhiễm do nước thải sinh

hoạt, phân thuốc bảo vệ thực vật và nuôi trồng thủy sản, mực nước sụt giảm đáng kể, khó khai thác.

- Không có nguồn nước mặt đảm bảo để cung cấp cho sinh hoạt, hầu như chỉ sử dụng nước ngầm nên hạn chế về lưu lượng cung cấp.

- Chưa kêu gọi được doanh nghiệp, các tổ chức, các cá nhân tham gia đầu tư và khai thác trong lĩnh vực nước sạch nông thôn.

- Hiệu quả quản lý, vận hành các hệ thống cấp nước tập trung còn bấp bênh, chưa chuyên nghiệp, thiếu tính bền vững.

- Tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước ngày càng phức tạp, ảnh hưởng đến tính bền vững công trình và khó khăn trong đảm bảo chất lượng nước nhất là công trình quy mô nhỏ...

- Đời sống người dân khu vực nông thôn khó khăn, khả năng tham gia đóng góp của cho công tác nước sạch và vệ sinh môi trường còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Do địa bàn của xã là vùng nông thôn nên hộ dân sống không tập trung do đặc điểm địa hình phức tạp, song ngòi chằng chịt, dân cư sống tương đối thưa thớt, phân tán, hầu hết các công trình có quy mô nhỏ, nên việc sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung rất hạn chế.

- Nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực cấp nước nông thôn tại xã không có mà chỉ chờ nguồn vốn đầu tư của ngân sách cấp cho nên xã không thể chủ động để đầu tư công trình cấp nước tập trung, do dân cư thưa thớt, suất đầu tư cao, doanh thu thấp, lợi nhuận thấp, chậm thu hồi vốn, hao hụt, thất thoát nhiều trong công tác quản lý vận hành, nên rất khó khăn để kêu gọi xã hội hóa, do đó việc đầu tư phát triển hệ thống cấp nước nông thôn thiếu đồng bộ.

- Không được bố trí nguồn vốn hàng năm để đầu tư xây dựng mới trạm cấp nước, làm ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng nước của người dân và tỷ lệ sử dụng nước sinh hoạt bị sụt giảm đáng kể.

- Do có quá nhiều giếng khoan nhỏ lẻ của hộ gia đình là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, làm cho nguồn nước ngầm bị sụt giảm và nhiễm mặn, gây khó khăn trong việc xử lý nước sạch đạt QCVN 02:2009/BYT.

- Công tác quy hoạch, xây dựng trong lĩnh vực nước sạch nông thôn còn nhiều bất cập, chưa sát với điều kiện, tình hình thực tế.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

*** Đối với các cơ quan Trung ương**

Lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt nông thôn có tính quan trọng và đã nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các Bộ ngành, các địa phương và người dân.

Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương xem xét bố trí nguồn kinh phí từ Chương trình MTQG xây dựng NTM để thực hiện xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung sinh hoạt để phục vụ cho người dân ngày càng hoàn thiện hơn.

*** Đối với các cơ quan chức năng cấp tỉnh và địa phương**

UBND tỉnh cần xem xét bố trí nguồn vốn để thực hiện duy tu sửa chữa, nâng cấp cải tạo các công trình cấp nước nông thôn các công trình cấp nước tập trung đã bị hư hỏng và xuống cấp.

Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Cà Mau là đơn vị trực tiếp quản lý công trình cấp nước tập trung cần phải thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước, khảo sát phát triển thêm các tuyến liên kết để phục vụ cho người dân ngày càng được tốt hơn.

Ủy ban nhân dân xã Rạch Chèo xin Báo cáo Thường trực HĐND tỉnh theo đề cương thực hiện giám sát việc cung cấp nước sạch sinh hoạt giai đoạn 2010-2019 trên địa bàn tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT.

Kí. **CHỦ TỊCH**
PCT

Dương Thanh Hải